

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 02 năm 2026

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2025
CỦA BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN**

TT	SBD	Họ và tên	Ngày tháng năm/sinh		Vị trí tuyển dụng	Điểm thi vòng 2	Điểm ưu tiên	Tổng điểm (Điểm v2 + Điểm ƯT)	Ghi chú
			Nam	Nữ					
	I	BÁC SĨ (HẠNG III)							
1	1	Nguyễn Minh Anh		14/02/1999	HSTC-CĐ	92,0		92,0	
2	2	Lê Tuấn Anh	22/12/1995		Nội Tim mạch	62,5		62,5	
3	3	Nguyễn Thị Phương Anh		22/10/1999	Ung bướu	58,0		58,0	
4	4	Trần Thị Linh Chi		14/11/2001	GPB	66,0		66,0	
5	5	Lưu Thị Thu Dịu		08/8/1998	HSTC-CĐ	90,0	5	95,0	
6	6	Bùi Anh Đức	20/5/2001		Nội soi	62,5	5	67,5	
7	7	Hà Thị Dung		31/01/2001	Hô hấp	61,5	5	66,5	
8	8	Hà Anh Dũng	06/12/2001		HSTC-CĐ	0,0	5	5,0	Bỏ thi
9	9	Phạm Vũ Dũng	10/02/2000		Tai Mũi Họng	77,0	5	82,0	
10	10	Trương Thủy Giang		26/4/2001	PHCN	19,0	5	24,0	
11	11	Nguyễn Mạnh Hà	05/06/1998		Ngoại Nhi	72,0		72,0	
12	12	Đỗ Quang Hải	09/02/2000		Cấp cứu - CTTM	54,5	5	59,5	
13	13	Nguyễn Đào Duy Hải	10/07/1999		Ngoại Tiêu hóa - GM	81,0		81,0	
14	14	Diệp Thúy Hằng		03/10/2000	Thần kinh	77,5	5	82,5	
15	15	Ngô Minh Hằng		23/6/2001	HHLS	59,5	5	64,5	
16	16	Trần Thị Hạnh		16/11/2001	HSTC-CĐ	83,0	5	88,0	
17	17	Trần Quang Hiếu	28/02/2001		HSTC-CĐ	36,0	5	41,0	
18	18	Đàm Thu Hoài		27/10/1999	Ung bướu	80,0	5	85,0	
19	19	Chu Thị Huế		18/01/2000	HSTC-CĐ	82,0	5	87,0	
20	20	Trần Thị Huệ		15/01/2001	HSTC-CĐ	60,0		60,0	
21	21	Lưu Thị Huệ		05/11/2000	PHCN	62,5		62,5	
22	22	Ma Văn Hùng	27/07/1996		HSTC-CĐ	90,0	5	95,0	
23	23	Ngô Thị Mỹ Hương		30/11/1999	Nội Tiêu hóa	63,0	5	68,0	
24	24	Lê Quốc Huy	02/06/2000		CĐHA	61,5	5	66,5	
25	25	Vì Quang Huy	05/6/1999		Thần kinh	32,0	5	37,0	
26	26	Trần Thị Thanh Huyền		11/03/1985	HSTC-CĐ	86,0		86,0	
27	27	Cao Đoan Khang	11/06/1996		Hô hấp	63,5	5	68,5	
28	28	Hoàng Thị Liễu		06/12/1998	CĐHA	13,0	5	18,0	
29	29	Nguyễn Chu Linh	06/05/1998		Hô hấp	64,5	5	69,5	
30	30	Vũ Thùy Linh		11/02/2001	HSTC-CĐ	57,0		57,0	
31	31	Nông Thị Linh		20/6/1996	HSTC-CĐ	27,0	5	32,0	
32	32	Vũ Thị Huyền Linh		09/4/1999	HSTC-CĐ	63,0		63,0	

33	33	Kiều Thị Ly		19/08/1999	HSTC-CĐ	90,0		90,0	
34	34	Triệu Thị Lý		04/01/2001	HSTC-CĐ	50,0	5	55,0	
35	35	Nguyễn Kiều Mai		12/5/2001	Ung bướu	51,0		51,0	
36	36	Đỗ Đình Nam	12/08/2001		Ngoại Tiêu hóa - GM	79,0	5	84,0	
37	37	Nguyễn Thu Nga		28/11/2001	YHCT	84,0		84,0	
38	38	Vũ Ánh Ngọc		11/5/1995	Sinh hóa	65,5	5	70,5	
39	39	Trịnh Minh Phương		25/04/2001	Cấp cứu - CTM	47,0		47,0	
40	40	Phan Vũ Phương		27/7/1999	HSTC-CĐ	92,0		92,0	
41	41	Nguyễn Minh Phương	09/7/2000		Ngoại Tiêu hóa - GM	35,0		35,0	
42	42	Nguyễn Thị Ngọc Phương		13/11/1998	Nội Thận - TN&LM	65,0		65,0	
43	43	Lục Như Quỳnh		09/3/2000	YHCT	0,0	5	5,0	Bỏ thi
44	44	Dương Thị Tâm		18/3/1998	Sơ sinh - CC Nhi	66,5		66,5	
45	45	Lương Ngọc Thắng	08/05/1999		HSTC-CĐ	86,0	5	91,0	
46	46	Lê Toàn Thắng	16/7/1997		PTTHTM	82,0		82,0	
47	47	Ma Thị Thanh		30/10/2000	HSTC-CĐ	0,0	5	5,0	Bỏ thi
48	48	Mai Chí Thành	11/9/2000		Cấp cứu	95,0		95,0	
49	49	Nguyễn Hà Phương Thảo		11/01/2001	Cơ xương khớp	66,5		66,5	
50	50	Phùng Thị Thanh Thảo		25/02/1997	HSTC-CĐ	70,0	5	75,0	
51	51	Dương Thị Thảo		19/4/2001	PTTHTM	49,0		49,0	
52	52	Nguyễn Thị Thảo		07/02/2000	Ung bướu	85,0	5	90,0	
53	53	Trần Lưu Thịnh	27/9/2000		CTCH	87,0		87,0	
54	54	Vũ Thị Minh Thu		07/10/1999	CĐHA	66,0		66,0	
55	55	Nguyễn Thị Thu		02/03/2001	HSTC-CĐ	60,0		60,0	
56	56	Bùi Thị Trung Thu		23/11/2000	YHCT	57,0		57,0	
57	57	Vũ Thu Thủy		15/4/2000	Tai Mũi Họng	28,5		28,5	
58	58	Nông Thị Thùy Tin		10/10/1994	SPKDVCLC	66,0	5	71,0	
59	59	Nguyễn Hoàng Phương Trang		27/07/2000	Cấp cứu	92,0	5	97,0	
60	60	Nguyễn Thị Hà Trinh		24/3/2001	Cơ xương khớp	20,0		20,0	
61	61	Hoàng Thế Trường	07/6/1994		YHCT	0,0		0,0	Bỏ thi
62	62	Phạm Ngọc Truy	08/6/1990		CTCH	26,0	5	31,0	
63	63	Nguyễn Văn Tú	23/9/2000		HSTC-CĐ	43,0	5	48,0	
64	64	Bùi Xuân Anh Tú	17/9/1998		Lão khoa - BVSK	68,0		68,0	
65	65	Phượng Thị Anh Tú		21/12/1998	Thần kinh	63,0	5	68,0	
66	66	Vũ Văn Tuấn	13/9/1998		CTCH	77,0	5	82,0	
67	67	Dương Ngọc Anh Tuấn	06/01/2001		HSTC-CĐ	84,0	5	89,0	
68	68	Phạm Văn Vĩnh	12/5/1997		CTCH	30,5		30,5	
69	69	Đặng Quốc Vũ	17/08/1999		CĐHA	63,5		63,5	
70	70	Bế Văn Vũ	15/5/1993		Ung bướu	79,0	5	84,0	
	II	ĐIỀU DƯỠNG HẠNG III							
1	71	Vũ Thị Vân Anh		09/02/2003	HHLS	94,5		94,5	

2	72	Nguyễn Minh Anh		02/5/2001	HSTC-CĐ	41,0	5	46,0	
3	73	Dương Thị Phương Anh		13/5/2003	KCBTYC	31,0	5	36,0	
4	74	Nguyễn Văn Anh		20/07/2002	Thần kinh	79,0		79,0	
5	75	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		17/05/2002	KCBTYC	92,5		92,5	
6	76	Đỗ Thị Ngọc Ánh		01/01/2002	Ung bướu	89,0		89,0	
7	77	Ngô Thị Bảo		01/10/2003	HSTC-CĐ	96,0		96,0	
8	78	Nguyễn Thị Linh Chi		17/04/2002	Nội Tim mạch	92,5		92,5	
9	79	Nguyễn Thị Chinh		16/10/2001	HSTC-CĐ	24,0		24,0	
10	80	Lý Ngọc Diễm		08/4/2003	HSTC-CĐ	21,0	5	26,0	
11	81	Phan Ngọc Thùy Dương		05/11/2003	Sơ sinh - CC Nhi	87,5		87,5	
12	82	Hoàng Thị Hương Giang		09/10/2003	HSTC-CĐ	93,0		93,0	
13	83	Đinh Thị Hương Giang		25/5/2002	Ung bướu	35,0		35,0	
14	84	Lê Vũ Minh Hằng		30/07/2003	Nội Tiêu hóa	92,0		92,0	
15	85	Tạ Hồng Hạnh		07/7/2003	HSTC-CĐ	29,0		29,0	
16	86	Trần Thị Huệ		22/12/2003	Ngoại TH - GM	89,0		89,0	
17	87	Nguyễn Thị Minh Huệ		03/4/2002	Sơ sinh - CC Nhi	40,0		40,0	
18	88	Hà Thị Hương		24/10/1990	Thần kinh	20,0	5	25,0	
19	89	Nguyễn Thúy Hường		13/12/2002	Nhi tổng hợp	88,5		88,5	
20	90	Đỗ Thu Huyền		20/01/2000	HSTC-CĐ	28,5		28,5	
21	91	Nguyễn Khánh Huyền		25/8/2003	Nội Thận - TN&LM	53,5		53,5	
22	92	Vũ Thị Thu Huyền		20/06/2002	Thần kinh	84,5		84,5	
23	93	Nguyễn Việt Kim	28/07/2001		KCBTYC	88,5		88,5	
24	94	Nguyễn Khánh Linh		21/02/2003	Cấp cứu	26,0		26,0	
25	95	Diệp Khánh Linh		05/12/2003	Hô hấp	35,0	5	40,0	
26	96	Nguyễn Thị Thùy Linh		21/07/2001	HSTC-CĐ	40,0		40,0	
27	97	Lưu Khánh Linh		09/6/2003	HSTC-CĐ	95,0		95,0	
28	98	Trần Thùy Linh		20/06/2003	Tâm thần	79,0		79,0	
29	99	Phạm Thị Hoài Ngọc		19/9/2001	Ung bướu	36,5	5	41,5	
30	100	Nguyễn Thị Nhân		16/02/2001	HSTC-CĐ	33,0	5	38,0	
31	101	Triệu Kiều Oanh		06/9/2003	Y học cổ truyền	85,0	5	90,0	
32	102	Ngô Thị Quỳnh		10/03/1992	HSTC-CĐ	91,0		91,0	
33	103	Nguyễn Thị Thắm		10/11/2003	Ung bướu	43,0		43,0	
34	104	Hà Thị Thu Thảo		24/10/2003	Hô hấp	94,0		94,0	
35	105	Lê Thị Thương		02/9/2001	HSTC-CĐ	32,0		32,0	
36	106	Diệp Hoài Thương		08/9/2003	HSTC-CĐ	96,0	5	101,0	
37	107	Vũ Thị Thúy		25/08/2001	Cấp cứu	94,0		94,0	
38	108	Lê Thị Ngọc Thúy		15/04/2002	GMHS	86,5		86,5	
39	109	Hoàng Thị Thùy		22/11/2002	Y học cổ truyền	80,5	5	85,5	
40	110	Ma Thị Hồng Tiên		23/08/2003	HSTC-CĐ	47,5	5	52,5	
41	111	Lê Quỳnh Trang		27/07/2003	CĐHA	91,5		91,5	

42	112	Vũ Thị Thùy Trang		24/09/2002	HSTC-CĐ	95,5		95,5	
43	113	Phạm Thu Trang		24/12/2002	Nội Thận - TN&LM	95,5		95,5	
44	114	Nguyễn Thu Trang		06/04/1999	Sơ sinh - CC Nhi	88,0		88,0	
45	115	Trần Thị Thùy Trang		02/10/2003	Tai mũi họng	84,0		84,0	
46	116	Hoàng Thị Thanh Trúc		30/04/2002	Ung bướu	88,0		88,0	
47	117	Ma Thị Tú		10/06/2003	Ngoại TH - GM	39,0	5	44,0	
48	118	Đinh Lâm Tùng	15/06/2003		HSTC-CĐ	96,0		96,0	
49	119	Đỗ Thu Uyên		24/04/2002	HSTC-CĐ	38,0		38,0	
50	120	Lý Thị Xuyên		31/12/2002	KSNK	92,0	5	97,0	
51	121	Phạm Thị Hải Yến		25/01/2003	HSTC-CĐ	90,0		90,0	
52	122	Diệp Thị Hải Yến		18/08/2002	Ung bướu	87,0	5	92,0	
	III ĐIỀU DƯỠNG HẠNG IV								
1	123	Lương Thị Lan Anh		03/11/1998	KCBTYC	76,0		76,0	
2	124	Nguyễn Quốc Anh	10/09/2001		Nội Tiêu hóa	74,0		74,0	
3	125	Nguyễn Ngọc Ánh		21/11/2003	Cấp cứu - CTM	80,0		80,0	
4	126	Nguyễn Hoàng Đức	11/07/2003		Ung bướu	74,5		74,5	
5	127	Trần Ngọc Hà		09/11/2002	CĐHA	69,5		69,5	
6	128	Nguyễn Thị Thu Hà		19/6/1995	Ngoại TM-LN	73,0		73,0	
7	129	Phạm Thị Hải Hậu		07/10/2003	Ung bướu	70,5	5	75,5	
8	130	Phạm Thị Thu Hiền		10/11/2004	HSTC-CĐ	84,0		84,0	
9	131	Nguyễn Thị Hiền		22/01/1995	KCBTYC	72,5		72,5	
10	132	Dương Quốc Hoàng	24/09/1996		HSTC-CĐ	61,0		61,0	
11	133	Trần Thanh Huân	06/05/2000		HHLS	73,5	5	78,5	
12	134	Nguyễn Thành Huế		23/09/2001	KCBTYC	75,0		75,0	
13	135	Nguyễn Lan Hương		05/03/2004	HSTC-CĐ	70,0		70,0	
14	136	Mã Diệu Hương		02/03/1984	HSTC-CĐ	77,0	5	82,0	
15	137	Lý Thị Lan Hương		17/01/2003	HSTC-CĐ	61,5	5	66,5	
16	138	Nông Văn Hữu	22/09/1993		HSTC-CĐ	64,5	5	69,5	
17	139	Triệu Thu Huyền		05/04/1994	Hô hấp	61,5	5	66,5	
18	140	Hoàng Thị Huyền		18/08/2004	Ngoại Tiết niệu	69,0		69,0	
19	141	Trần Khánh Huyền		09/11/1999	Nhi Tổng hợp	76,0		76,0	
20	142	Vũ Hồng Khánh		21/05/1997	Ung bướu	65,5	5	70,5	
21	143	Nguyễn Thị Lập		04/08/1991	HSTC-CĐ	74,5	5	79,5	
22	144	Phạm Thị Thùy Linh		20/02/2003	GMHS	70,5		70,5	
23	145	Nguyễn Ngọc Khánh Linh		23/08/2004	GMHS	64,0		64,0	
24	146	Đào Thị Khánh Ly		06/04/2002	Thần kinh	71,0		71,0	
25	147	Liều Thị Xuân Mai		26/09/2004	Ngoại Tiết niệu	77,0	5	82,0	
26	148	Dương Trường Minh	31/03/2004		HSTC-CĐ	76,5	5	81,5	
27	149	Chu Trà My		02/7/2004	Nội Thận - TN&LM	71,5		71,5	
28	150	Đỗ Đức Nam	01/03/2001		HSTC-CĐ	67,5	2,5	70,0	

29	151	Dương Thị Quỳnh Nga		20/04/2002	HSTC-CD	78,0		78,0	
30	152	Lê Thị Ngọc		02/8/1991	HSTC-CD	66,0	5	71,0	
31	153	Nguyễn Thị Ngọc		19/11/2004	Lão khoa - BVSK	73,5		73,5	
32	154	Phạm Thị Thu Nhung		01/08/2003	Sơ sinh - CC Nhi	73,5		73,5	
33	155	Lương Thị Thanh Phương		06/09/1994	Hô hấp	76,0	5	81,0	
34	156	Hoàng Thị Hà Phương		07/07/2004	Ngoại Tiết niệu	78,0	5	83,0	
35	157	Hoàng Thị Như Quỳnh		02/01/1989	HSTC-CD	65,0	5	70,0	
36	158	Đinh Ngọc Sao	13/11/2000		Ung bướu	76,0	5	81,0	
37	159	Ngô Thị Thanh Tâm		08/01/2002	Ngoại Tiết niệu	84,0		84,0	
38	160	Nguyễn Thị Thu Thảo		16/05/1996	HSTC-CD	77,5		77,5	
39	161	Vũ Thị Thanh Thảo		28/12/2003	HSTC-CD	80,0		80,0	
40	162	Đoàn Lê Phương Thảo		08/12/2004	Khám bệnh	80,5		80,5	
41	163	Vũ Thị Phương Thảo		18/8/2004	Ung bướu	73,5		73,5	
42	164	Nguyễn Thị Hoài Thu		26/06/2003	HSTC-CD	77,0		77,0	
43	165	Kiều Thu Thương		04/12/2002	Thần kinh	76,0		76,0	
44	166	Nguyễn Tuấn Toàn	20/10/1996		Cấp cứu	72,0		72,0	
45	167	Hoàng Thị Trang		30/10/1997	HSTC-CD	69,0	5	74,0	
46	168	Bùi Hoài Trang		07/11/2000	Khám bệnh	0,0		0,0	Bò thi
47	169	Bùi Thị Uyên		14/12/2003	HSTC-CD	65,0	5	70,0	
48	170	Trần Thị Hoàng Yến		18/9/2002	CĐHA	73,5	7,5	81,0	
	IV HỘ SINH HẠNG III								
1	171	Vũ Huyền Diệu		14/10/2003	Hỗ trợ sinh sản	81,0		81,0	
2	172	Trần Thị Thanh Hà		31/05/2003	Hỗ trợ sinh sản	76,5		76,5	
	V KỸ THUẬT Y HẠNG III								
1	173	Đặng Thị Hà		23/6/2001	Giải phẫu bệnh	43,1	5	48,1	
2	174	Triệu Thị Hào		21/5/2003	Giải phẫu bệnh	40,0	5	45,0	
3	175	Lý Trà Lam		11/8/2000	HHTM	89,5	5	94,5	
4	176	Nguyễn Phan Hoàng Linh		07/5/2001	HHTM	92,5		92,5	
5	177	Nguyễn Thanh Trà		09/11/2003	HHTM	47,0		47,0	
6	178	Ngô Thị Ánh Tuyết		27/6/1999	Giải phẫu bệnh	78,0		78,0	
	VI KẾ TOÁN VIÊN								
1	179	Dương Thị Mai Châm		10/01/2001	Phòng TCKT	54,0	5	59,0	
2	180	Trần Minh Đức	24/4/2001		Phòng TCKT	21,5		21,5	
3	181	Đỗ Nguyên Hà		17/02/2001	Phòng TCKT	63,5		63,5	
4	182	Đinh Thị Quỳnh Trang		10/05/2003	Phòng TCKT	73,5		73,5	
	VII CHUYÊN VIÊN								
1	183	Đào Huệ Anh		20/11/2003	KHTH	67,0		67,0	
2	184	Dương Quang Anh	24/06/1998		Vật tư - TBYT	30,0		30,0	
3	185	Tây Thị Điệp		25/08/1993	KHTH	27,0	5	32,0	
4	186	Lê Quang Duy	05/10/1991		QLDA ĐT và ĐT	20,0		20,0	

5	187	Vũ Thùy Duyên		04/01/2003	Vật tư - TBYT	0,0		0,0	
6	188	Chu Thị Thu Hà		19/5/1995	HCQT	27,5	5	32,5	
7	189	Nguyễn Thị Thu Hà		04/01/1994	KHTH	33,5	5	38,5	
8	190	Nông Thị Việt Hòa		03/6/2000	ĐT&CĐT	13,5	5	18,5	
9	191	Cao Bích Huệ		10/02/1993	QLDA ĐT và ĐT	11,5	5	16,5	
10	192	Hoàng Thị Hường		29/08/2000	KHTH	30,0	5	35,0	
11	193	Nguyễn Thanh Huyền		16/08/2000	ĐT&CĐT	59,0		59,0	
12	194	Bùi Khánh Huyền		10/08/1996	KHTH	68,0		68,0	
13	195	Vũ Tùng Lâm	29/04/1997		QLDA ĐT và ĐT	59,3		59,3	
14	196	Nguyễn Mai Lan		12/04/2002	QLDA ĐT và ĐT	14,5	5	19,5	
15	197	Nguyễn Thị Ngọc Linh		06/11/1997	KHTH	0,0		0,0	Bỏ thi
16	198	Đỗ Hồng Ngọc		08/12/2001	HCQT	66,5		66,5	
17	199	Đào Diệu Ngọc		05/09/1990	QLDA ĐT và ĐT	58,0		58,0	
18	200	Trần Hoàng Hà Ngọc		22/12/2003	QLDA ĐT và ĐT	0,0	5	5,0	Bỏ thi
19	201	Trịnh Hồng Ninh		13/5/1999	QLDA ĐT và ĐT	69,5		69,5	
20	202	Kiều Công Tiền Phong	22/03/2002		QLDA ĐT và ĐT	59,0		59,0	
21	203	Vì Thị Hoàng Phúc		20/4/1996	KHTH	35,3	5	40,3	
22	204	Nguyễn Tất Thành	02/12/2002		Vật tư - TBYT	64,0	5	69,0	
23	205	Dương Công Thòa	09/09/1995		QLDA ĐT và ĐT	0,0	5	5,0	Bỏ thi
24	206	La Anh Thư		29/03/1999	QLDA ĐT và ĐT	0,0	5	5,0	Bỏ thi
25	207	Nguyễn Thị Anh Thư		04/09/1999	Vật tư - TBYT	64,0		64,0	
26	208	Nguyễn Tất Vũ	26/03/2000		QLDA ĐT và ĐT	22,5		22,5	
VIII CÔNG NGHỆ THÔNG TIN HẠNG III									
1	209	Nguyễn Thị Hạnh		22/6/1998	Công nghệ thông tin	51,0		51,0	
2	210	Nguyễn Sơn Tiến	12/04/2003		Công nghệ thông tin	67,5		67,5	
IX DINH DƯỠNG (HẠNG III)									
1	211	Trần Hà Đông		07/12/2002	Dinh dưỡng	64,5		64,5	
X DƯỢC SĨ (HẠNG III)									
1	212	Nguyễn Thị Vân Anh		17/01/2001	Dược	90,0	5	95,0	
2	213	Đoàn Thị Thu Hằng		21/01/1983	Dược	46,0		46,0	
3	214	Hoàng Cao Thế	28/02/1997		Dược	0,0		0,0	Bỏ thi
XI DƯỢC HẠNG IV									
1	215	Nguyễn Tuấn Anh	07/11/1994		Dược	40,0	2,5	42,5	
2	216	Đào Phương Uyên		13/12/2003	Dược	88,8		88,8	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG


Phạm Thị Huyền Trang



TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH

PHÓ GIÁM ĐỐC
BS. CKII. HÀ TIẾN QUANG